TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 225/2022/DS-ST
Ngày 14-9-2022
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Len

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Năm
2. Ông Hồ Quang Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Nga Muội – Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thơi: Bà Vũ Ánh Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2022 về việc "Tranh chấp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 195/2022/QĐ-ST ngày 11 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* 1. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1964
2. Bà Nguyễn Kim L1, sinh năm 1972

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông H: Bà Nguyễn Kim L1, sinh năm 1972 (Văn bản ủy quyền ngày 03/6/2022, có mặt).

Cùng cư trú: Ấp S, xã K, huyện T, tỉnh C .

- *Bị đơn:* 1. Anh Lê Vũ L2, sinh năm 1992 (vắng mặt)
2. Chị Lê Thị N, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Cùng cư trú: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/5/2022 và quá trình giải quyết vụ án bà L1 trình bày:

Vào ngày 25/01/2020 âm lịch bà có mở dây hụi loại hụi 5.000.000 đồng, có 36 kỳ, một tháng khui một lần. Chị N, anh L2 có tham gia 01 phần, ở vị trí số 09 tên "L", người thừa kế tên "N", mỗi tháng khui một lần. Kỳ mở hụi thứ hai anh L2, chị N bỏ hụi và hốt hụi được 104.000.000 đồng. Vợ chồng anh L2, chị N đóng hụi chết đến kỳ thứ 20 thì không đóng nữa. Hiện tại hụi chưa mãn đến tháng 12/2022 âm lịch mới mãn. Tại phiên tòa bà L1 thay đổi yêu cầu, yêu cầu vợ chồng anh L2, chị N phải

trả cho bà tiền hụi chết đến khi xét xử sơ thẩm 12 kỳ x 5.000.000 đồng = 60.000.000 đồng. Còn 04 kỳ hụi chết đến khi mãn nếu chị N, anh L2 không trả đầy đủ tiền hụi cho bà thì bà sẽ yêu cầu anh L2, chị N sau.

Anh Lê Vũ L2, chị Lê Thị N đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng anh L2, chị N không có văn bản trình bày ý kiến của mình.

Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Đối với bị đơn không thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của L, ông H, Buộc anh L2, chị N có nghĩa vụ trả cho bà L1, ông H tiền hụi thiếu 60.000.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ, phần tranh luận, phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Về tố tụng:

[1] *Xét về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp:* Bà Nguyễn Kim L1, anh Phạm Văn H khởi kiện yêu cầu anh Lê Vũ L2, chị Lê Thị N trả tiền hụi, anh L2, chị N có nơi cứ tại huyện T, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là tranh chấp hụi và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Vắng mặt của đương sự:* Các đương sự anh Lê Vũ L2, chị Lê Thị N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh L2, chị N là đúng quy định.

- Về nội dung:

[3] Theo bà L1 trình bày ngày 25/01/2020 âm lịch bà có mở dây hụi loại hụi 5.000.000 đồng, có 36 kỳ, một tháng khui một lần. Anh L2, chị N có tham gia 01 phần. Kỳ mở hụi thứ hai anh L2, chị N bỏ hụi và hốt hụi được 104.000.000 đồng, bà

L1 xác định khi giao hụi cho hụi viên có yêu cầu hụi viên ký vào danh sách hụi. Anh L2, chị N đóng hụi chết đến kỳ thứ 20 thì không đóng nữa. Hiện tại hụi chưa mãn. Số tiền hụi vợ chồng anh L2, chị N còn thiếu vợ chồng bà đến khi xét xử sơ thẩm 12 kỳ x 5.000.000 đồng = 60.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu vợ chồng anh L2, chị N trả cho bà số tiền hụi thiếu 60.000.000 đồng.

[4] Hội đồng xét xử thấy rằng, anh L2, chị N đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, nhưng anh L2, chị N vẫn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà L1, ông H. Tòa án tiến hành xác minh đối với các hụi viên như bà Trần Kim Huệ, bà Hà Thị H1, bà Tô Kim P xác định dây hụi bà L1, ông H mở thì vợ chồng anh L2, chị N có tham gia một chưng và đã hốt xong, việc đóng hụi và hốt hụi giữa các bên như thế nào thì các bà không biết. Như vậy việc bà L1, ông H mở hụi và anh L2, chị N có tham gia hụi như bà L1, ông H trình bày là thực tế có xãy ra.

[5] Bà L1 xác định vợ chồng anh L2, chị N hốt hụi và đóng hụi chết đến kỳ thứ 20 thì không đóng nữa. Qua xác minh tại địa phương thì anh L2, chị N đã bỏ địa phương đi khoảng 5 tháng. Như vậy lời trình bày của bà L1 cho rằng anh L2, chị N từ khi bỏ địa phương đi không đóng hụi cho bà là có căn cứ. Thấy rằng vợ chồng anh L2, chị N đã hốt hụi và chủ hụi đã giao đầy đủ tiền lĩnh hụi cho anh L2, chị N, thì anh L2, chị N phải có trách nhiệm đóng hụi cho chủ hụi, Do đó yêu cầu của bà L1, ông H yêu cầu anh L2, chị N trả số tiền hụi chưa đóng số tiền 60.000.000 đồng là phù hợp Điều 16, 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường và Điều 471 Bộ luật dân sự cần được chấp nhận.

Do hiện nay dây hụi bà L1, ông H khởi kiện bà N, anh L2 chưa mãn còn đóng 4 kỳ hụi chết, trường hợp các kỳ đóng hụi tiếp theo nếu anh L2, chị N không đóng đầy đủ tiền hụi cho bà L1, ông H thì bà L1, ông H có quyền khởi kiện tiếp vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

[6] Phát biểu Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Từ những phần tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L1, ông H, buộc anh L2, chị N trả cho bà L1, ông H số tiền hụi 60.000.000 đồng.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông H, bà L1 không phải chịu án phí, số tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án được nhận lại. Buộc anh L2, chị N phải chịu án phí 60.000.000 đồng x 5% = 3.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 16, 24 Nghị Định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim L1, ông Phạm Văn H về việc yêu cầu anh Lê Vũ L2, chị Lê Thị N trả tiền hụi.

Buộc anh Lê Vũ L2, chị Lê Thị N trả cho bà Nguyễn Kim L1, ông Phạm Văn H số tiền hụi 60.000.000 đồng *(Sáu mươi triệu đồng)*.

Kể từ ngày bà L1, ông H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh L2, chị N không tự nguyện thi hành xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Kim L1, ông Phạm Văn H không phải chịu, ngày 06/6/2022 đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 2.000.000 đồng biên lai thu số 0004924 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

Buộc anh Lê Vũ L2, chị Lê Thị N phải chịu án phí 3.000.000 đồng (chưa nộp);

3. Án xử sơ thẩm, bà Nguyễn Kim L1, ông Phạm Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Lê Vũ L2, chị Lê Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Len